CẢI THIỆN CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH CỦA TỈNH NINH THUẬN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

● HOÀNG MẠNH DŨNG - TRƯƠNG VĂN TIẾN

TÓM TẮT:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng sự trợ giúp của Cơ quan hợp tác Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã đưa ra chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Chỉ số này giúp đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam trong việc xây dựng môi trường kinh doanh và được công bố thí điểm lần đầu tiên vào năm 2005. PCI tỉnh Ninh Thuận đang được xếp vào nhóm trung bình. Kết quả trên cho thấy công tác chỉ đạo, điều hành, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh theo Chỉ thị số 17 - CT/TU ngày 26/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Nghị quyết số 04 - NQ/TU ngày 01/7/2016 của Tỉnh ủy về tăng cường cải cách hành chính (CCHC) giai đoạn 2016 – 2020 còn cần phải nỗ lực hơn nữa. Vì vậy, nhiệm vụ cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Ninh Thuận là cấp thiết, nhằm phấn đấu vào top 20 trên bảng xếp hạng của cả nước và thuộc nhóm khá trong giai đoạn 2021 - 2025.

Từ khóa: chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Ninh Thuận, cải cách hành chính tại tỉnh Ninh Thuận, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2021 - 2025.

1. Đặt vấn đề

Tỉnh Ninh Thuận là một tỉnh ven biển thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam. Từ năm 2006 đến nay, UBND Tỉnh cùng các Sở, ngành, đã và đang triển khai quyết liệt về PCI. Hàng năm, UBND tỉnh đã tổ chức họp Ban chỉ đạo CCHC và nâng cao PCI để đánh giá tình hình thực hiện cũng như đề ra chương trình hành động nâng cao PCI từng năm của tỉnh. Ngay sau khi có kết quả công bố xếp hạng PCI hàng năm của VCCI, UBND tỉnh đã tiến hành phân tích, đánh giá kết quả PCI nhằm xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của năm tiếp theo [2]. Trên cơ sở đó, Tỉnh ban hành các kế hoạch và văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện. Năm 2020, tỉnh Ninh Thuận giữ vị trí thứ 32 trong bảng xếp hạng và thuộc nhóm trung bình. Bên cạnh các chỉ số thành phần (CSTP) có chuyển biến về điểm số và thứ hạng, còn một số CSTP chậm cải thiện như tiếp cận đất đai, tính minh bạch, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Đây là dấu hiệu cho thấy còn nhiều vấn đề cần được cải thiện về PCI của tỉnh Ninh Thuận trong giai đoạn 2021 - 2025.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Michael Porter (2009) định nghĩa: "Năng lực cạnh tranh (NLCT) chỉ có nghĩa khi xem xét ở cấp độ quốc gia là năng suất. Điều đó cho thấy năng suất càng lớn dẫn đến NLCT của quốc gia đó càng mạnh" [3].

Phan Nhật Thanh, (2010) cho rằng: "NLCT cấp tỉnh là khả năng ganh đua của các tỉnh nhằm thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở lợi thế của địa phương trong mối quan hệ liên kết với những địa phương khác trong phạm vi quốc gia" [6].

Trần Thị Thanh Xuân (2018) định nghĩa: "NLCT cấp tỉnh là thực hiện tốt các chỉ tiêu dựa trên những nguồn lực sẵn có của địa phương và khắc phục những bất lợi của địa phương đó. Mỗi địa phương sẽ có những chính sách và bước đi phù hợp với điều kiện cụ thể trong thu hút vốn đầu tư và xây dựng doanh nghiệp tư nhân phát triển. Tăng trưởng kinh tế - xã hội theo những mục tiêu đã định là NLCT của tỉnh đó" [9].

2.2. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

VCCI hợp tác nghiên cứu và trợ giúp của USAID đã xác định các CSTP để đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam trong quá trình xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi nhằm phát triển doanh nghiệp dân doanh. Đó là chỉ số NLCT cấp tỉnh (PCI). Từ năm 2013 đến năm 2020, PCI có 10 CSTP và trọng số (%) như sau: Chi phí gia nhập thị trường (5%), Tiếp cận đất đai (5%), Tính minh bạch (20%), Chi phí thời gian (5%), Chi phí không chính thức (10%), Cạnh tranh bình đẳng (5%), Tính năng động của chính quyền tỉnh (5%), Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (20%), Đào tạo lao động (20%), Thiết chế pháp lý (5%). PCI là chỉ số thường niên, được điều chỉnh, cập nhật 4 năm một lần; rà soát bổ sung, loại bỏ một số chỉ tiêu hoặc sắp xếp và điều chỉnh trọng số, phương pháp đánh giá cho phù hợp với yêu cầu từng giai đoạn. Năm 2017, VCCI bắt đầu thay đổi cách đánh giá xếp hạng PCI từ phân nhóm chất lượng điều hành theo điểm phân nhóm sang phương pháp thống kê độ lệch chuẩn để xác định các nhóm xếp hạng mới. Ngoài ra, VCCI bổ sung thêm một số chỉ tiêu của giai đoạn 2013 - 2016 lên 128 chỉ tiêu. Về cách đánh giá, PCI được xác định thông qua hệ thống các CSTP; mỗi CSTP được gán một trọng số và bao gồm nhiều chỉ tiêu cấu thành. Hàng năm, VCCI gửi phiếu điều tra đến hơn 10.000 doanh nghiệp để tham gia đánh giá với tỷ lệ phản hồi trung bình hàng năm khoảng 30%.

2.3. Lý thuyết nền phục vụ nghiên cứu

NLCT theo quan điểm của lý thuyết cạnh tranh cổ điển, Adam Smith (1776) với tư tưởng tự do kinh tế; trong đó có tư tưởng tự do cạnh tranh đã cho rằng, cạnh tranh có thể phối hợp một cách nhịp nhàng và hữu ích cho xã hội. Vì sự cạnh tranh trong quá trình tạo ra của cải quốc dân tăng lên diễn ra thông qua thị trường và giá cả. Do đó, cạnh tranh có quan hệ chặt chẽ với cơ chế thị trường [12]. Theo David Ricardo (1817) với tác phẩm "Những nguyên lý của kinh tế chính trị và thuế khóa" đã phát triển thành lý thuyết về lợi thế so sánh. Lý thuyết này cho rằng, một quốc gia sẽ xuất khẩu những mặt hàng mà quốc gia đó sản xuất với hiệu quả cao hơn một cách tương đối so với quốc gia kia [13]. Adam smith và David Ricardo chỉ rõ giá trị và giá trị sử dụng hàng hóa và 2 yếu tố này quyết định đến NLCT của hàng hóa.

Dẫn theo Trần Thị thanh Xuân (2018), NLCT theo quan điểm của lý thuyết cạnh tranh hiện đại: Theo Feurer và Chaharbaghi (1994) nêu ra: "NLCT mang tính tương đối chứ không tuyệt đối. Nó phụ thuộc vào các giá trị của người tiêu dùng và các cổ đông: sức mạnh tài chính, nhân tố quyết định khả năng hành động và phản ứng lại trong một môi trường cạnh tranh. Tiềm năng của con người và công nghệ trong việc thực hiện những thay đổi mang tính chiến lược cần thiết". Waheeduzzan và các cộng sự (1996) cho rằng: "NLCT vẫn là một trong những khái niệm được hiểu thiếu đầy đủ". Theo Gorden và Cheshire (1998): "NLCT trong phạm vi lãnh thổ được hiểu như là sự nỗ lực của các cơ quan đại diện cho khu vực cụ thể nào đó để cải thiện lợi thế vị trí bằng việc vận dụng khéo léo các yếu tố, đóng góp cho lợi ích của khu vực đó như một sự định vị cho nhiều hoạt động khác nhau". Tại các địa phương nơi mà chi phí cố định cao và chi phí nhân công lao động đắt sẽ rơi vào thế bất lợi hơn. Đồng thời, lịch sử hình thành cũng như sự tổng hòa của các ngành công nghiệp sẽ có tác động lâu dài đến khả năng sản xuất của tỉnh đó. Từ đây, có thể nắm bắt được các hình thức hoạt động mới. Đến nay, lý thuyết về NLCT trên thế giới đang diễn ra với nhiều công trình nghiên cứu đặc trưng [9].

2.4. Các công trình nghiên cứu trước có liên quan

2.4.1. Các công trình nghiên cứu ngoài nước trước có liên quan

Michael E. Porter (2010), khi phân tích khả năng cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp cần tập trung vào chuỗi giá trị: Chính phủ và chính sách tài

chính; Các thể chế; Kết cấu hạ tầng; Nguồn nhân lực; Công nghệ; Tài chính; Độ mở cửa về thương mại với thế giới bên ngoài; Công nghiệp hỗ trợ và Cạnh tranh nội địa [4].

MingZhang (được trích dẫn bởi Trần Thị Thanh Xuân, 2018), các hành động của tỉnh nhằm cải thiện tính cạnh tranh cấp tỉnh tập trung vào 3 khía cạnh: (1) Đáp ứng cơ sở hạ tầng như giao thông vận tải, truyền thông, nước, điện lưới và vệ sinh; (2) Nâng cao các dịch vụ công cộng bao gồm: giáo dục, y tế, an ninh công cộng và nhà ở; (3) Giảm chi phí kinh doanh thông qua đơn giản hóa các thủ tục hành chính để bắt đầu kinh doanh, nộp thuế, thuê nhân công, thuê mặt bằng và thủ tục đóng cửa kinh doanh dễ dàng hơn [9].

Viện Nghiên cứu kinh tế Trung ương (CIEM) chủ trì phối hợp với Học viện Năng lực cạnh tranh châu Á Singapore (ACI) dưới sự chỉ đạo chuyên môn của Michael E. Poter đã nghiên cứu và công bố Báo cáo năng lực cạnh tranh của Việt Nam năm 2010 (VCR2010). [10].

2.4.2. Các công trình nghiên cứu trong nước trước có liên quan

Bạch Thụ Cường (2002) đã tổng kết toàn diện các lý thuyết cạnh tranh và đề cập sâu đến cạnh tranh toàn cầu. Tác giả chỉ ra khả năng doanh nghiệp tạo ra lợi thế cạnh tranh, năng suất và chất lượng cao hơn đối thủ cạnh tranh chiếm lĩnh thị phần lớn tạo ra doanh thu và lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận thu nhập bình quân, phương pháp quản lý, bảo vệ môi trường, tài sản của doanh nghiệp đối với xã hội... [1].

Trần Sửu (2005), với "NLCT của doanh nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa". Tác phẩm đã tóm lược nội dung về cạnh tranh trong điều kiện toàn cầu hóa tương ứng từng giai đoạn trước thế kỷ XX đến nay và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam [8].

Vũ Thành Hưng (2005) với "Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở Việt Nam - Một số kiến nghị và giải pháp"; trong đó đã khái quát các vấn đề liên quan đến NLCT cấp tỉnh ở Việt Nam thông qua xếp hạng PCI và những kiến nghị và giải pháp nâng cao NLCT cấp tỉnh ở Việt Nam [11].

Phan Nhật Thanh (2011) tập trung phân tích PCI trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong giai đoạn 2006 - 2010, so sánh chỉ số này với một số địa phương khác trong cả nước để có góc nhìn đa chiều hơn về thực trạng NLCT của tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu đã khẳng định những nỗ lực và chỉ ra các bất cập của tỉnh Hải Dương trong cải thiện môi trường kinh doanh và xác định rõ trọng tâm đổi mới hoạt động của chính quyền tỉnh trong những năm tới [6].

Nguyễn Đinh Dương (2014), tập trung nghiên cứu thực trạng "Một số vấn đề về năng lực cạnh tranh của thành phố Hà Nội". Tác phẩm đề cập đến các tiêu chí đánh giá NLCT cấp tỉnh, thành phố những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn. [5].

Trần Thị Thanh Xuân (2018), với "Nâng cao PCI cho tỉnh Bắc Giang". Tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, phân tích thực trạng PCI của tỉnh Bắc Giang và đưa ra giải pháp, kiến nghị phù hợp nhằm góp phần nâng cao PCI của tỉnh Bắc Giang [9].

3. Tổ chức nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính dựa vào chủ trương, chính sách của Nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật, các công trình nghiên cứu khoa học được công bố. Qua đó cung cấp nhận định về xu hướng phục vụ lĩnh vực nghiên cứu.

3.2. Dữ liệu phân tích

Dữ liệu được sử dụng là nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ:

(1) Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận do Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận công bố thường niên trong các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Báo cáo này được công khai trên website của Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận theo địa chỉ https://cucthongke.ninhthuan.gov.vn/.

(2) Báo cáo chỉ số NLCT cấp tỉnh của VCCI từ năm 2013 đến năm 2020. Những dữ liệu này được công khai trên website https://pcivietnam.vn/ho-so-tinh/ninh-thuan.

3.3. Phân tích và xử lý dữ liệu

(1) Phương pháp thống kê mô tả để thấy được tổng quát sự biến động của các chỉ tiêu trong giai đoạn nghiên cứu (2013 - 2020). Công cụ xử lý dữ liệu với phần mềm Eview 20.0.

(2) Phương pháp so sánh để thiết lập cơ sở hình thành các nhận xét, phân tích phù hợp với bối cảnh lân cận. Công cụ xử lý dữ liệu với phần mềm Eview 20.0 và Excel.

(3) Phương pháp dự báo san mũ Holt - Winters và kiểm định tính dừng của các chuỗi dữ liệu theo thời gian với phần mềm Eview 20.0.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả về dữ liệu gốc dùng để phân tích (Bảng 1, Bảng 2)

4.2. Kết quả về chỉ số NLCTcấp tỉnh của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020)

4.2.1. Kết quả về chỉ số "Chi phí gia nhập thị trường" của tỉnh Ninh Thuận (2013 - 2020) (Hình 1, Bảng 3)

Nhận xét: Chỉ số "Chi phí gia nhập thị trường" của tỉnh Ninh Thuận luôn giữ được thế mạnh với điểm đạt được từ 7.67 đến 8.59. CSTP này có khuynh hướng giảm trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 7.99 so với số trung vị 7.81 (min = 6.24 và max = 9.14) của PCI năm 2020. Chuỗi sai phân bậc 2 của biến "Chi phí gia nhập thị trường" dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần tiếp tục duy trì CSTP này trước xu hướng giảm trong thời gian qua.

4.2.2. Kết quả về chỉ số "Tiếp cận đất đai" của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020) (Hình 2, Bảng 4)

Nhận xét: Chỉ số "Tiếp cận đất đai" của tỉnh Ninh Thuận đạt từ 6.10 đến 6.57. CSTP này có khuynh hướng giảm trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 6.43 so với mức trung vị là 6.66 (min = 5.61 và max = 7.96) của năm 2020. Chuỗi sai phân bậc 1

Bảng 1. Tổng hợp PCI và các chỉ số thành phần của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020)

Năm	PCI	CSTP1	CSTP2	CSTP3	CSTP4	CSTP5	CSTP6	CSTP7	CSTP8	CSTP9	CSTP10
2013	54.22	8.59	6.52	5.97	6.79	5.11	3.69	4.28	4.30	5.16	6.65
2014	56.88	7.75	6.57	6.03	7.12	6.00	5.86	4.73	4.77	5.19	5.74
2015	57.45	8.59	6.45	6.31	7.02	4.97	4.93	4.01	4.95	5.67	6.23
2016	57.19	8.56	6.10	6.24	6.93	5.02	5.15	4.96	4.90	5.61	5.64
2017	61.60	7.84	6.20	6.44	7.10	5.16	5.37	5.87	6.00	6.19	6.01
2018	62.21	6.43	6.76	6.71	7.16	6.14	5.71	5.38	6.29	5.69	5.95
2019	64.89	7.61	6.63	6.57	7.48	6.36	6.33	6.56	6.27	6.23	6.15
2020	63.44	8.54	6.17	6.17	7.70	6.87	6.43	6.85	5.29	6.06	7.38

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2021

Bảng 2. Thống kê mô tả về dữ liệu thứ cấp để phân tích thực trạng

	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS6	CS7	CS8	CS9	CS10	PCI
Mean	7.988	6.425	6.305	7.162	5.703	5.433	5.330	5.346	5.725	6.218	59.73
Median	8.190	6.485	6.275	7.110	5.580	5.540	5.170	5.120	5.680	6.080	59.52
Maximum	8.590	6.760	6.710	7.700	6.870	6.430	6.850	6.290	6.230	7.380	64.89
Minimum	6.430	6.100	5.970	6.790	4.970	3.690	4.010	4.300	5.160	5.640	54.22
Std. Dev.	0.756	0.240	0.257	0.294	0.729	0.880	1.032	0.751	0.415	0.563	3.78
Skewness	-1.083	-0.134	0.236	0.713	0.351	-0.814	0.250	0.151	-0.145	1.123	-0.028
Kurtosis	3.185	1.591	1.898	2.510	1.615	2.977	1.741	1.571	1.695	3.289	1.598

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 1: Chỉ số "Chi phí gia nhập thị trường"

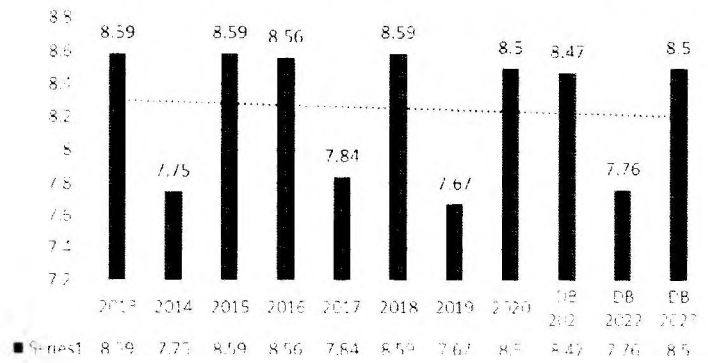

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 2: Kết quả về chỉ số "Tiếp cận đất đai"

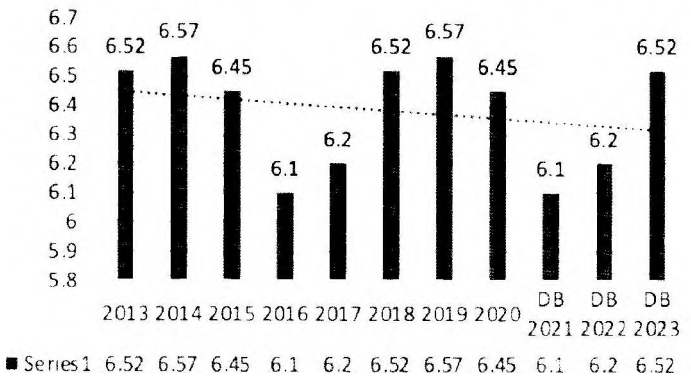

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 3: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Chi phí gia nhập thị trường"

Null Hypothesis: D(CT1,2) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-3.008483	0.0115
Test critical values:	1% level	-3.109582	
	5% level	-2.043968	
	10% level	-1.597318	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 4: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Tiếp cận đất đai" của tỉnh Ninh Thuận

Null Hypothesis: D(CT2) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 1 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-4.400332	0.0021
Test critical values:	1% level	-3.109582	
	5% level	-2.043968	
	10% level	-1.597318	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

của "Tiếp cận đất đai" dừng ở mức 10%, 5% và 1% với độ tin cậy 99%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần tập trung cải thiện CSTP này trong giai đoạn 2021 - 2025.

4.2.3. Kết quả về chỉ số "Tính minh bạch" của tỉnh Ninh Thuận (2013 - 2020) (Hình 3, Bảng 5)

Nhận xét: Chỉ số "Tính minh bạch" của tỉnh Ninh Thuận chỉ đạt từ 5.97 đến 6.46. CSTP này tăng nhanh trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 6.31 trên mức trung vị 5.85 (min= 4.81 và max= 6.77) của năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 2 của "Tính minh bạch" dừng ở mức 10%, 5% với độ tin cậy 95%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần tiếp tục cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

4.2.4. Kết quả về chỉ số "Chi phí thời gian" của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020) (Hình 4, Bảng 6)

Nhận xét: Chỉ số "Chi phí thời gian" của tỉnh Ninh Thuận đạt từ 6.79 đến 7.57. CSTP này tăng nhanh trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 7.16 xếp dưới mức trung vị 7.71 (min = 6.04 và max = 9.50) so với năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 1 của CT4 dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

4.2.5. Kết quả về chỉ số "Chi phí không chính thức" của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020) (Hình 5, Bảng 7)

Nhận xét: Chỉ số "Chi phí không chính thức" của tỉnh Ninh Thuận đạt từ 4.97 đến 6.87. CSTP này tăng nhanh trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 5.70 xếp dưới mức trung vị 6.62 (min= 4.96 và max= 8.09) so với năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 1 của "Chi phí không chính thức" dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%.

Hình 3: Kết quả về chỉ số "Tính minh bạch"

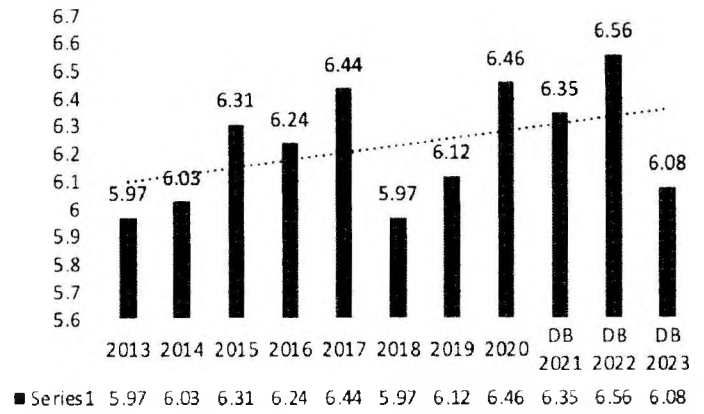

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 4: Kết quả về chỉ số "Chi phí thời gian"

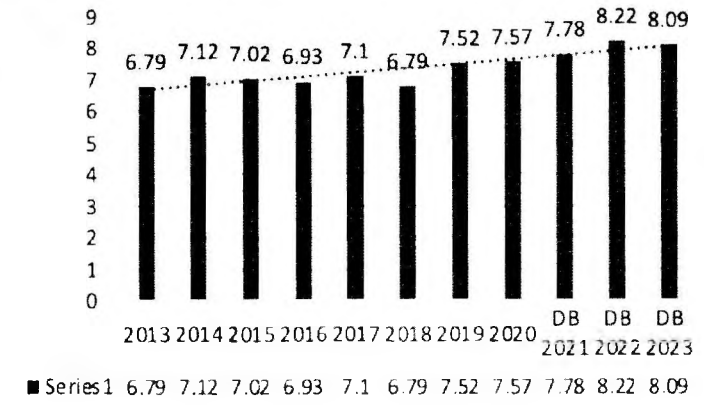

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 5: Kết quả về chỉ số "Chi phí không chính thức"

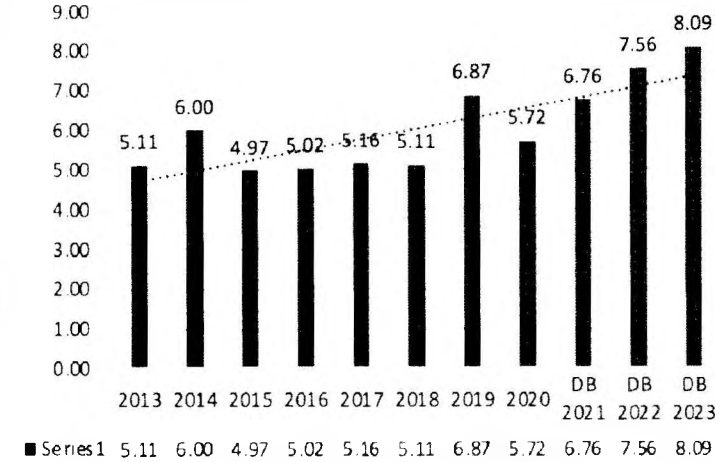

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 5: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Tính minh bạch"

Null Hypothesis: D(CT3,2) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-2.342172	0.0315
Test critical values:	1% level	-3.109582	
	5% level	-2.043968	
	10% level	-1.597318	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 6: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Chi phí thời gian"

Null Hypothesis: D(CT4) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-2.032656	0.0491
Test critical values:	1% level	-3.007406	
	5% level	-2.021193	
	10% level	-1.597291	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 7: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Chi phí không chính thức"

Null Hypothesis: D(CT5) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-2.956271	0.0108
Test critical values:	1% level	-3.007406	
	5% level	-2.021193	
	10% level	-1.597291	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

UBND tỉnh Ninh Thuận cần cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

4.2.6. Kết quả về chỉ số "Cạnh tranh bình đẳng" của tỉnh Ninh Thuận (2013 - 2020) (Hình 6, Bảng 8)

Nhận xét: Chỉ số "Cạnh tranh bình đẳng" của tỉnh Ninh Thuận đạt từ 3.69 đến 6.76. CSTP này tăng nhanh trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 5.43 xếp dưới mức trung vị 6.59 (min= 5.03 và max= 8.81) so với năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 2 của "Cạnh tranh bình đẳng" dừng ở mức 10% và 5% và 1% với độ tin cậy 99%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

4.2.7. Kết quả về chỉ số "Tính năng động của chính quyền Tỉnh" của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020) (Hình 7, Bảng 9)

Nhận xét: Chỉ số "Tính năng động của chính quyền Tỉnh" của tỉnh Bình Thuận đạt từ 4.01 đến 6.55. CSTP này tăng nhanh trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 5.33 xếp dưới mức trung vị 6.37 (min= 5.09 và max= 8.22) so với năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 1 của "Tính năng động của chính quyền Tỉnh" dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

4.2.8. Kết quả về chỉ số "Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp" của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020) (Hình 8, Bảng 10)

Nhận xét: Chỉ số "Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp" của tỉnh Ninh Thuận đạt từ 4.30 đến 6.02. CSTP này tăng trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 5.35 xếp dưới mức trung vị 5.91 (min= 4.76 và max= 7.58) so với

Hình 6: Kết quả về chỉ số "Cạnh tranh bình đẳng"

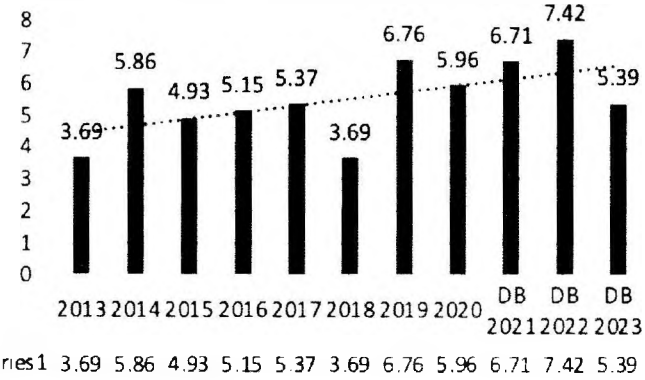

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 8: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Cạnh tranh bình đẳng"

Null Hypothesis: D(CT6,2) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-13.06546	0.0001
Test critical values:	1% level	-3.109582	
	5% level	-2.043968	
	10% level	-1.597318	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 7: Kết quả về chỉ số "Tính năng động của chính quyền Tỉnh"

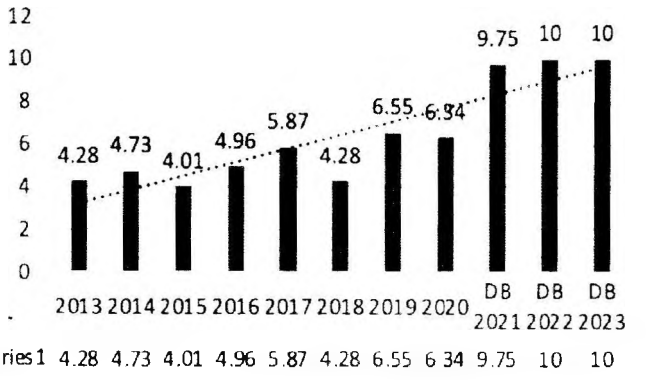

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 9: Kết quả đánh giá tính dừng của chỉ số "Tính năng động của chính quyền Tỉnh"

Null Hypothesis: D(CT7) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-2.787073	0.0141
Test critical values:	1% level	-3.007406	
	5% level	-2.021193	
	10% level	-1.597291	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 8: Kết quả về chỉ số "Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp"

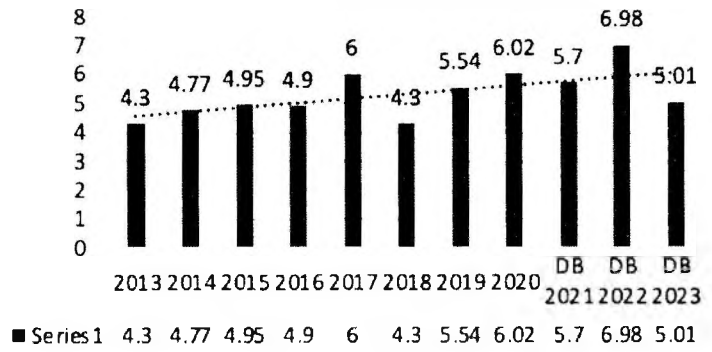

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 10: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp"

Null Hypothesis: D(CT8,2) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-2.206332	0.0385
Test critical values:	1% level	-3.109582	
	5% level	-2.043968	
	10% level	-1.597318	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 2 của "Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp" dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

4.2.9. Kết quả về chỉ số "Đào tạo lao động" của tỉnh Ninh Thuận (2013 - 2020) (Hình 9, Bảng 11)

Nhận xét: Chỉ số "Đào tạo lao động" của tỉnh Ninh Thuận đạt từ 5.16 đến 6.43. CSTP này tăng trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 5.73 xếp dưới mức trung vị 6.52 (min= 5.13 và max= 8.41) so với năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 2 của "Đào tạo lao động" dừng ở mức 10% và 5% và 1% với độ tin cậy 99%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

4.2.10. Kết quả về chỉ số "Thiết chế pháp lý" của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2013 - 2020) (Hình 10, Bảng 12)

Nhận xét: Chỉ số "Thiết chế pháp lý" của tỉnh Ninh Thuận đạt từ 5.64 đến 6.65. CSTP này có xu hướng tăng trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 6.22 xếp dưới mức trung vị 6.80 (min= 5.17 và max= 8.32) so với năm 2020 trong toàn cảnh của 63 tỉnh thành. Chuỗi sai phân bậc 1 của "Thiết chế pháp lý" dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần cải thiện CSTP này trong xu hướng đang phát triển.

Hình 9: Kết quả về chỉ số "Đào tạo lao động"

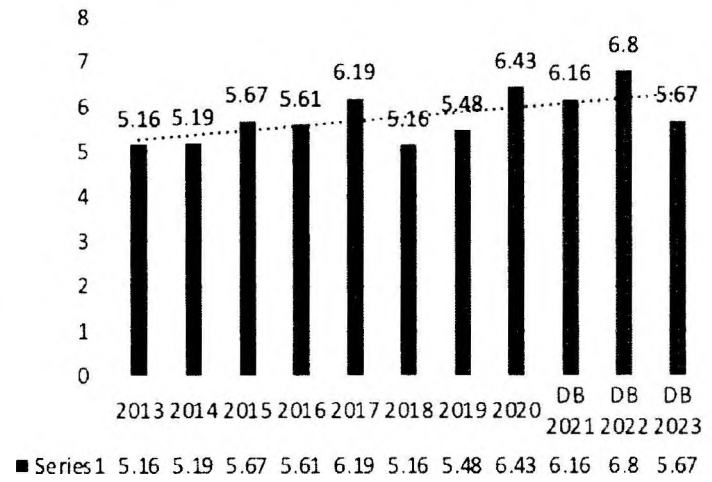

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 11: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Đào tạo lao động"

Null Hypothesis: D(CT9,2) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-12.49057	0.0001
Test critical values:	1% level	-3.109582	
	5% level	-2.043968	
	10% level	-1.597318	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 10: Kết quả về chỉ số "Thiết chế pháp lý"

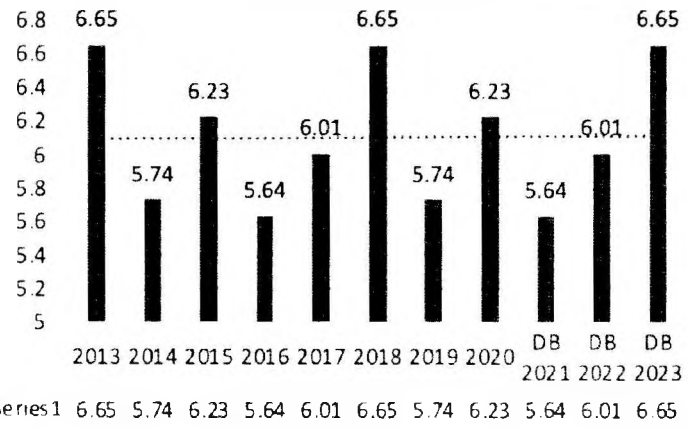

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 12: Đánh giá tính dừng của chỉ số "Thiết chế pháp lý"

Null Hypothesis: D(CT10) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-2.972793	0.0106
Test critical values:	1% level	-3.007406	
	5% level	-2.021193	
	10% level	-1.597291	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

4.2.11. Kết quả về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Ninh Thuận (2013 - 2020) (Hình 11, Bảng 13)

Nhận xét: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Ninh Thuận trong giai đoạn 2013 - 2020 đạt từ 54.22 đến 64.68. CSTP này có xu hướng tăng trong toàn giai đoạn. Bình quân của chỉ số này trong giai đoạn 2016 - 2020 là 59.74, xếp dưới mức trung vị 63.44 (min = 59.61 và max = 75.09) so với năm 2020 trong toàn cảnh chung của cả nước. Chuỗi sai phân bậc 1 của biến CPI dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%. UBND tỉnh Ninh Thuận cần tiếp tục cùng nỗ lực để cải thiện CSTP này trong bối cảnh đất nước hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Nhận xét: Theo Báo cáo PCI giai đoạn 2016 - 2020, 4 tỉnh có PCI bám sát nhau với sự dao động là 0.47 và với PCI bình quân thấp hơn trung vị 63.44 (min = 59.61 và max = 75.09), tỉnh Ninh Thuận có vị trí thấp nhất về PCI so với 3 tỉnh lân cận gồm Khánh Hòa, Lâm Đồng và Bình Thuận. Chuỗi sai phân bậc 1 của biến PCI dừng ở mức 10% và 5% với độ tin cậy 95%. Tuy nhiên, PCI của 4 tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020 đang có xu hướng tăng. Do vậy, cả 4 tỉnh rất cần nỗ lực cải thiện vị trí trong bảng xếp hạng PCI do VCCI công bố hàng năm.

5. Thảo luận kết quả

Qua 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 17 - CT/TU ngày 6/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về thực hiện các giải pháp cải thiện PCI, môi trường đầu tư kinh doanh đã có nhiều

Hình 11: Kết quả PCI của tỉnh Ninh Thuận

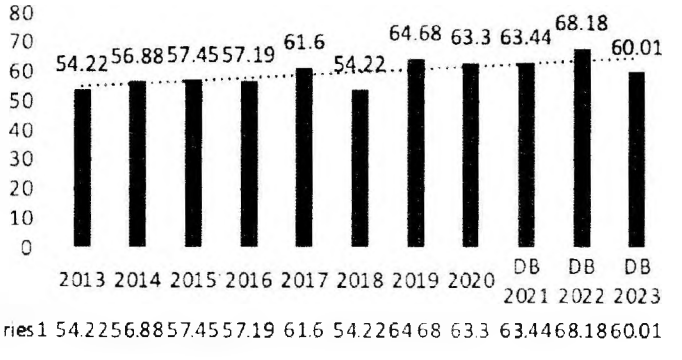

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Bảng 13: Đánh giá tính dừng của PCI của Ninh Thuận

Null Hypothesis: D(PCI) has a unit root
Exogenous: None
Lag Length: 0 (Automatic - based on SIC, maxlag=1)

		t-Statistic	Prob.*
Augmented Dickey-Fuller test statistic		-2.371429	0.0280
Test critical values:	1% level	-3.007406	
	5% level	-2.021193	
	10% level	-1.597291	

Nguồn: Xử lý dữ liệu trên Eview, 2021

Hình 12: So sánh kết quả PCI của tỉnh Ninh Thuận với 3 tỉnh lân cận

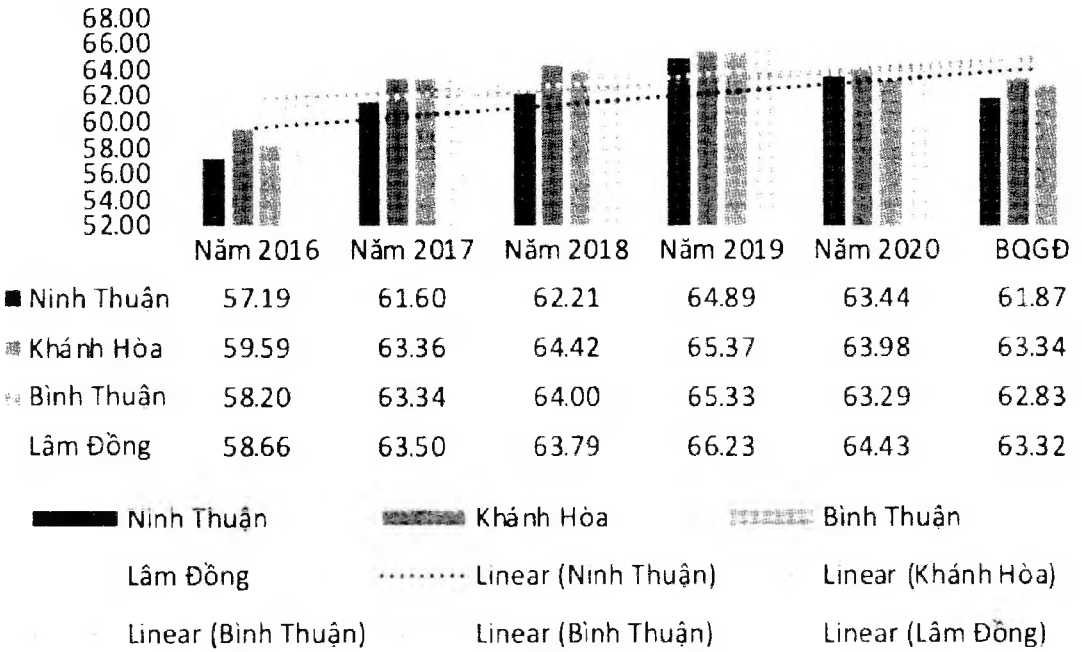

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2021

chuyển biến tích cực. UBND tỉnh Ninh Thuận đã quan tâm, chú trọng xây dựng, ban hành nhiều cơ chế chính sách, cải cách hành chính được đẩy mạnh. PCI của tỉnh Ninh Thuận trong những năm qua được cải thiện và góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Bên cạnh những kết quả đạt được, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Ninh Thuận vẫn còn bộc lộ các hạn chế như: Tính ổn định của các CSTP chưa cao; cải cách thủ tục hành chính có lúc, có nơi còn chậm và chưa thật sự hiệu quả; cơ chế phối hợp giữa các cấp, ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giải quyết những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng kết quả chưa được như mong muốn; vẫn còn tình trạng, cán bộ, công chức, viên chức nhũng nhiễu trong giải quyết công việc đối với người dân và doanh nghiệp; hạ tầng một số khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh cho doanh nghiệp; hoạt động đào tạo nghề chưa theo kịp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

6. Kết luận

Để cải thiện PCI của tỉnh Ninh Thuận vào giai đoạn 2021 - 2025, bài viết thiết lập thứ tự ưu tiên cho các giải pháp đối với từng CSTP như sau Bảng 14

PCI là "tập hợp tiếng nói" của các doanh nghiệp đánh giá về môi trường kinh doanh cấp

Bảng 14. Thứ tự ưu tiên cho các giải pháp cải thiện PCI của tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2021 - 2025)

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số	Xu hướng 2013 - 2020	Xu hướng 2016 - 2020	Dự báo trong 3 năm tới	Thứ tự giải pháp
1	CSTP 3	0.20	Tăng	Chưa cải thiện đáng kể	Tăng	Ưu tiên 1
	Quy điểm	4	0	0.5	0	4.5
2	CSTP 8	0.20	Tăng	Giảm	Tăng	Ưu tiên 1
	Quy điểm	4	0	0.5	0	4.5

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số	Xu hướng 2013 - 2020	Xu hướng 2016 - 2020	Dự báo trong 3 năm tới	Thứ tự giải pháp
3	CSTP 9	0.20	Tăng	Chưa cải thiện đáng kể	Tăng	Ưu tiên 1
	Quy điểm	4	0	0.5	0	4.5
4	CSTP 2	0.05	Giảm	Giảm	Giảm	Ưu tiên 4
	Quy điểm	1	1	1	1	4.0
5	CSTP 1	0.05	Giảm	Tăng	Giảm	Ưu tiên 5
	Quy điểm	1	1	0	1	3.0
6	CSTP 5	0.10	Tăng	Tăng	Tăng	Ưu tiên 5
	Quy điểm	2	0	0	0	2.0
7	CSTP 6	0.05	Tăng	Chưa cải thiện đáng kể	Tăng	Ưu tiên 7
	Quy điểm	1	0	0.5	0	1.5
8	CSTP 4	0.05	Tăng	Tăng	Tăng	Ưu tiên 8
	Quy điểm	1	0	0	0	1
9	CSTP 7	0.05	Tăng	Tăng	Tăng	Ưu tiên 8
	Quy điểm	1	0	0	0	1
10	CSTP 10	0.05	Tăng	Tăng	Tăng	Ưu tiên 8
	Quy điểm	1	0	0	0	1

Nguồn: Tác giả xử lý, 2021

tỉnh. PCI còn là nguồn thông tin quan trọng cho các nhà đầu tư tham khảo khi lựa chọn địa điểm đầu tư tại tỉnh Ninh Thuận. Kết quả PCI giai đoạn 2016 - 2020 với điểm PCI của tỉnh Ninh Thuận có xu hướng tăng đều qua các năm, năm 2020 đạt 63,44 điểm, giảm 1,45 điểm, nhưng thứ hạng tăng 5 bậc so với năm 2019 và tăng 6,25 điểm, tăng 17 bậc so với năm 2016, xếp hạng 32/63 tỉnh thành. Qua nghiên cứu phản ánh, UBND tỉnh Ninh Thuận rất cần một Đề án triển khai cải thiện PCI của tỉnh vào giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả nghiên cứu này như một tài liệu góp phần phát triển tỉnh Ninh Thuận nói riêng và cả nước nói chung trong bối cảnh hiện nay ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt

1. Bạch Thụ Cường (2002), *Bàn về cạnh tranh toàn cầu*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
2. Chính phủ (2021). *Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021*. Hà Nội.
3. Michael E. Porter (2009). *Lợi thế cạnh tranh quốc gia*. Dịch giả Nguyễn Ngọc Toàn, Lương Ngọc Hà, Nguyễn Quế Nga, Lê Thanh Hải, NXB Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Michael E. Porter (2010). *Lợi thế cạnh tranh*. Dịch giả Nguyễn Ngọc Toàn, Lương Ngọc Hà, Nguyễn Quế Nga, Lê Thanh Hải, NXB Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Đình Dương (2014), *Một số vấn đề về năng lực cạnh tranh của thành phố Hà Nội*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Phan Nhật Thanh (2010). *Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Hải Dương*, Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
7. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI (2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020). *Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam*, Hà Nội.

8. Trần Sửu (2005), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa,* NXB Lao động, Hà Nội.
9. Trần Thị Thanh Xuân (2018). *Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cho tỉnh Bắc Giang.* Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên.
10. Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Học viện Năng lực cạnh tranh Châu Á (2010), *Báo cáo năng lực cạnh tranh Việt Nam 2010.* Hà Nội.
11. Vũ Thành Hưng (2005). Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở Việt Nam - Một số kiến nghị và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển,* (99), tháng 9/2005.
Tiếng Anh
12. Adam Smith (1776). *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations.* Smith's work, Methuen and Co., Ltd.
13. David Ricardo (1817). *On the Principles of Political Economy and Taxation.* Cambridge: Cambridge University Press.

Ngày nhận bài: 5/5/2021
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/6/2021
Ngày chấp nhận đăng bài: 15/6/2021

Thông tin tác giả:
1. TS. HOÀNG MẠNH DŨNG
Khoa Kinh tế, Trường Đại học Thủ Dầu Một
2. TRƯƠNG VĂN TIẾN
Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Ninh Thuận

IMPROVING THE PROVINCIAL COMPETITIVENESS INDEX OF NINH THUAN PROVINCE IN THE PERIOD OF 2021 - 2025

● Ph.D **HOANG MANH DUNG**
● **TRUONG VAN TIEN**
Faculty of Economics, Thu Dau Mot Universitty
Vic Director, Ninh Thuan Province Department of Planning and Investment

ABSTRACT:

The Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) in cooperation with the United States Agency for International Development Cooperation (USAID) developed the Provincial Competitiveness Index (PCI). This index measures economic governance for business development in all provinces of Vietnam and it was launched in 2005. Ninh Thuan Province is ranked at the average group of this index. This result is thanks to the province's efforts in improving the provincal business environment in accordance to the Directive No. 17-CT/TU dated July 26, 2016 of the Standing Committee of Binh Thuan Province's Provincial Party Committee on solutions to improve the Provincial Competitiveness Index (PCI) and the Resolution No. 04-NQ/TU dated July 1 2016 of Binh Thuan Province's Provincial Party Committee on strengthening the administrative reform for the 2016 - 2020 period. Hence, it is an urgent task for Ninh Thuan Province to strive to be in the top 20 and in the good group of the PCI in the period of 2021 - 2025.

Keywords: Provincial Competitiveness Index of Ninh Thuan Province, administrative reform of Ninh Thuan Province, improving the provincial competitiveness index of Ninh Thuan Province in the period of 2021 - 2025.